

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 667/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07 – 6 – 2018.

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trinh Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn.

2. Ông Lê Văn Rồi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1507/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 131/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977. (Có mặt)

Thường trú: Số 67/2 ấp 2, xã S, huyện G, Tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Đặng Tùng Kh, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Thường trú: Số 60/37B đường B, tổ 28, ấp 4, xã P, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 11/12/2017 và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L và ông Kh kết hôn vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố H vào ngày 07/8/1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, đến tháng 4/2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, trong sinh hoạt vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà L yêu cầu được ly hôn với ông Kh.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 26/3/1999 đã trưởng thành và Đặng Nguyễn Tấn T, sinh ngày 28/10/2002; bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tấn T, không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Đặng Tùng Kh:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Kh đến Tòa án cung cấp lời khai, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng ông Kh không đến Tòa án, không có lý do nên đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Đặng Tùng Kh; bị đơn ông Đặng Tùng Kh vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với ông Đặng Tùng Kh, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Đặng Tùng Kh cư trú tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của bị đơn ông Đặng Tùng Kh:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Kh đến Tòa án cung cấp lời khai, chứng cứ và tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng ông Kh không có bất kỳ trở ngại khách quan nào khác nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt ông Đặng Tùng Kh.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Đặng Tùng Kh, xét thấy:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà L đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; đối với bị đơn ông Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, không có bất kỳ trở ngại khách quan nào khác nhưng vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn ông Kh từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà L cung cấp để xét xử vụ án.

Căn cứ lời trình bày của bà L và các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện bà L và ông Đặng Tùng Kh kết hôn vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố H vào ngày 07/8/1998 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà L, ông Kh chung sống rất hạnh phúc, đến tháng 4/2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, trong sinh hoạt hàng ngày vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, từ đó gia đình mất dần hạnh phúc, tình cảm vợ chồng giữa bà L, ông Kh ngày càng mất đi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông Kh là trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định chấp nhận yêu cầu của bà L ly hôn ông Kh.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 26/3/1999 đã trưởng thành và Đặng Nguyễn Tấn T, sinh ngày 28/10/2002 đang được bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy hiện nay trẻ Kim Ng đã trưởng thành, trẻ Tấn T đang được bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và tại bản khai của trẻ Tấn T thể hiện trẻ có nguyện vọng được bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; nhằm tạo điều kiện ổn định về tâm sinh lý, học hành của trẻ Tấn T, quyết định giao trẻ Đặng Nguyễn Tấn T cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Kh theo yêu cầu của bà L là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà L phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 96, 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Đặng Tùng Kh:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L ly hôn ông Đặng Tùng Kh.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 26/3/1999 đã trưởng thành và Đặng Nguyễn Tấn T, sinh ngày 28/10/2002 ; Giao trẻ Đặng Nguyễn Tấn T cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đặng Nguyễn Tấn T đối với ông Đặng Tùng Kh cho đến khi có yêu cầu của bà Nguyễn Thị L. Việc giao nhận trẻ Đặng Nguyễn Tấn T do hai bên

đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung của vợ chồng và nghĩa vụ dân sự khác của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị L chịu nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007990 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Đặng Tùng Kh vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND.H Củ Chi;
- Chi cục THADS. H Củ Chi;
- UBND nơi cấp giấy CN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP,HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức